

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vũ

2. Ông Trần Văn Phùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1987. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Kế N, sinh năm 1983. (Vắng mặt lần 2 không có lý do)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc Diễm trình bày:

Về hôn nhân: Chị D và anh Huỳnh Kế N kết hôn vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại ấp Đ, xã T được khoảng 03 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Anh

chị đã sống ly thân từ tháng 6/2016 cho đến nay. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do tính tình không hợp nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Nay chị D không còn tình cảm với anh N và thấy không thể duy trì hôn nhân nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị D và anh N không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định chị và anh N không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Kế N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Kế N trú tại ấp Đ, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre, đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 03/6/2019; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ngọc D đối với anh Huỳnh Kế N:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc D và anh Huỳnh Kế N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị D nhìn nhận mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ chị và anh N không hợp nhau về tính tình, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Tòa án đã ra các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự được biết để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh N vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh N không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị không có mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, đã để mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56

Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Diễm, cho D và anh N ly hôn nhau.

Về nuôi con chung: Chị D và anh N không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D trình bày giữa anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh N không có ý kiến về các vấn đề này nên Tòa án không giải quyết trong cùng vụ án.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc D.

Chị Trần Thị Ngọc D được ly hôn với anh Huỳnh Kế N.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc D và anh Huỳnh Kế N không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Ngọc D xác định giữa chị và anh Huỳnh Kế N không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh N không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không giải quyết trong cùng vụ án.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000430 ngày 13/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc (1b);
- UBND xã T (21; 25/3/2016), (1b);
- Đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

Nguyễn Văn Đỉnh